

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG TRUNG CĂN BẢN 3**

**Số tín chỉ: 03**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên**

**Năm 2022**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung căn bản 3

2. Mã học phần: TTRUNG 017

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng Trung căn bản 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966518898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 gồm 12 bài, cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động, mua đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động, mua	3	[1.2.1.1b]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả mục tiêu</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng mục tiêu CTĐT</b>
	<p>đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao.</p> <p>- Cấu trúc ngữ pháp: Cách dùng từ : 还, 就, 离, 呢, 再, 从, 对, 可能, 往, 那, 会; câu kiêm ngữ, câu cầu khiến, câu chữ 比; câu hỏi dùng ....好吗, câu phản vấn 不是...吗, câu phản vấn 能...吗; hình dung từ lặp lại, kết cấu động từ làm định ngữ; trợ từ động thái 着, trợ từ động thái 过; bổ ngữ kết quả, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ động lượng “次”, bổ ngữ xu hướng đơn; cấu trúc 虽然....但是..., 要....了, 都....了, 一....也/都+不...., hai động tác xảy ra liên tiếp, phân biệt 还是 và 或者.</p>		
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Đọc và nghe hiểu được nội dung các đoạn hội thoại, đoạn văn trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	Sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu để biểu đạt được nội dung về các chủ đề giao tiếp hằng ngày trong học phần.	3	[1.2.2.3]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Liệt kê được và viết đúng từ vựng liệt kê được các từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Thời gian, thời tiết, hoạt động, mua đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập,	2	[2.1.2]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
	thi cử, giao thông, thể thao.		
CDR1.2	Vận dụng kiến thức về ngữ âm để phát âm chuẩn, chính xác; đọc đúng ngữ điệu.	3	[2.1.2]
CDR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng...好吗, câu phản vấn不是...吗, câu phản vấn能...吗.	3	[2.1.2]
CDR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu: câu kiêm ngữ, câu cầu khiến, câu chữ 比 biểu thị so sánh.	3	[2.1.2]
CDR1.5	Xác định được ý nghĩa, vị trí đặc điểm của các từ sau: 还, 就, 离, 呢, 再, 从, 对, 可能, 往, 那, 会.	3	[2.1.2]
CDR1.6	Trình bày được cách biểu đạt của trợ từ động thái: 着, 过; bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ trạng thái, bỏ ngữ động lượng “次”, bỏ ngữ xu hướng đơn	3	[2.1.2]
CDR1.7	Trình bày được đặc điểm và cách dùng của cấu trúc biểu đạt sự nhượng bộ 虽然....但是..., động tác xảy ra trong tương lai 要....了, 都....了, nhấn mạnh sự phủ định 一....也/都+ 不..., hai động tác xảy ra liên tiếp nhau, hình dung từ lặp.	3	[2.1.2]
CDR1.8	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp cấu trúc câu để nghe, nói, đọc, viết, dịch câu, dịch đoạn hội thoại, bài nói ngắn, trình bày hay thuyết trình các quan điểm cá nhân về các chủ đề giao tiếp trong học phần ở trình độ sơ cấp; hoàn thành bài tập.	3	[2.1.2]
<b>CDR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CDR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để nghe, đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
CDR2.4	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 80 - 100 từ về các chủ đề: Thời gian, thời tiết, hoạt động, mua đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao.	3	[2.2.6]
CDR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
<b>CDR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	4	[2.3.1]

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần														
		CDR1								CDR2					CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2
1	第一课 我能坐这儿吗	2	3		3	3			3	3	3	3	3	4	4	4
2	第二课 现在几点	2	3			3	3		3	3	3	3	3	4	4	4
3	第三课 明天天气怎么样	2	3	3	3	3			3	3	3	3	3	4	4	4
4	第四课 他在学做中国菜呢	2	3			3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4
5	第五课 他买了不少衣服	2	3			3			3	3	3	3	3	4	4	4
6	第六课 我是坐飞机来的	2	3		3		3		3	3	3		3	4	4	4
7	第七课 九月去北京旅游最好	2	3			3	3		3	3	3		3	4	4	4
8	第八课 我每天六点起床	2	3	3		3			3	3	3		3	4	4	4
9	第九课 左边那个红色的是我的	2	3			3			3	3	3	3	3	4	4	4
10	第十课 这个工作是你帮我和介绍的	2	3		3	3			3	3	3	3	3	4	4	4
11	第十一课 就买这件吧	2	3			3			3	3	3	3	3	4	4	4
12	第十二课 你怎么不吃了	2	3	3		3		3	3	3	3		3	4	4	4

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

### 11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

## 12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

### 13. Tài liệu phục vụ học phần

#### - Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2022), *Tài liệu học tập Tiếng trung căn bản 3*.

[2] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3 - Sách bài tập*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

#### - Tài liệu tham khảo:

[6] - Dương Ký Châu (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[7] - Dương Ký Châu (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

### 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>第一课 你家离公司远吗</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li><li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li><li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Phó từ ngữ khí 还, phó từ thời gian 就, phó từ 离.</li><li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li><li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li><li>- Hội thoại hỏi đáp về khoảng cách giữa hai vị trí.</li><li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li></ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>一、课文</li><li>二、语法</li></ul>	3 (3LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li><li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li><li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li><li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li><li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li><li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li><li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li></ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Đọc trước tài liệu:</li></ul> <p>[1] : Trang 1 - 9. [2] : Trang 63 - 67.</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.



T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	(一) 语气副词 “还” (二) 时间副词 “就” (三) 离 (四) 语气助词 “呢” 三、练习		[3] : Trang 67 - 73. [6] : Trang 104. + Luyện nghe từ mới, bài đọc trang tài liệu [2]. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 5 - 9.	
2	<b>第二课 让我想想再告诉你</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu hỏi dùng 好吗, phó từ 再, câu kiêm ngữ, động từ lặp lại. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về đề nghị ai đó làm gì, mua quần áo. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、语法 (一) 疑问句 “....., 好吗?” (二) 副词 “再” (三) 兼语句	6 (6LT,0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 10 - 18. [2] : Trang 71 - 76. [3] : Trang 76 - 82. [6] : Trang 1-4, 40-45, 82 - 87. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	(四) 动词的重叠 三、练习		+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 14 - 18.	
3	<p>第三课 题太多, 我没做完</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bổ ngữ kết quả, giới từ 从, 第 biểu thị thứ tự.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp tình hình thực hiện các hoạt động.</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn miêu tả kết quả của một thi môn tổng hợp các kỹ năng.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、语法 <ul style="list-style-type: none"> <li>(一) 结果补语</li> <li>(二) 介词“从”</li> <li>(三) “第”表示顺序</li> </ul> </li> <li>三、练习</li> </ul>	3 (3LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 19 - 27. [2] : Trang 79 - 84. [3] : Trang 85 - 91. [6] : Trang 104, 192 - 200.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 23 - 27.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
4	第四课	3	<b>Thuyết trình; Trực quan;</b>	CDR1.1,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>别找了，手机在桌子上呢</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu cầu khiến dùng 不要...了; 别...了; giới từ 对.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp về các tình huống hàng ngày có dùng các lời khuyên, hoặc lời yêu cầu làm gì đó.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 祈使句: 不要...了; 别...了</p> <p>(二) 介词“对”</p> <p>三、练习</p>	(3LT,0TH)	<p><b>Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1] : Trang 28 - 35.</li> <li>[2] : Trang 87 - 91.</li> <li>[3] : Trang 94 - 100.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 31 - 35.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.7, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
5	<p>第五课 他比我大三岁</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ 比 (1), kết</li> </ul>	3 (3LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>cấu động từ làm định ngữ, trợ động từ 可能.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp mua đồ, tình hình học tập.</li> <li>- Viết 10 câu có dùng 比 biểu thị sự so sánh.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 动词结构作定语</p> <p>(二) “比”字句 (1)</p> <p>(三) 助动词 “可能”</p> <p>三、练习</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1] : Trang 36 - 44.</li> <li>[2] : Trang 95 - 100.</li> <li>[3] : Trang 103 - 109.</li> <li>[7] : Trang 1 - 8.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 40 - 44.</li> </ul>	<p>CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>
6	<p><b>第六课 你穿得太少了</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bỏ ngữ trạng thái, câu chữ 比 (2).</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp về so sánh sự chênh lệch nhau giữa hai</li> </ul>	6 (4LT,2KT)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> </ul>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>

<b>T T</b>	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số giờ</b>	<b>Phương pháp dạy - học</b>	<b>CDR học phần</b>
	<p>đối tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết đoạn văn ngắn miêu tả các hoạt động trong một ngày của bản thân có dùng bổ ngữ trạng thái.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）状态补语</p> <p>（二）“比”字句（2）</p> <p><b>Kiểm tra giữa học phần</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> <li>- <b>Sinh viên:</b></li> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1] : Trang 45 - 53.</li> <li>[2] : Trang 103 - 108.</li> <li>[3] : Trang 112 - 118.</li> <li>[6] : Trang 129 - 135.</li> <li>[7] : Trang 1 - 8.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 49 - 53.</li> </ul>	
7	<p><b>第七课 门开着呢</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu phản vấn dùng 不是....吗, trợ từ động thái 着, giới từ 往.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp về hoạt động hàng ngày ở văn phòng, phòng tập thể dục.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p>	3 (3LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Giảng viên:</b></li> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> <li>- <b>Sinh viên:</b></li> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1] : Trang 54 - 61.</li> <li>[2] : Trang 111 - 116.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	二、语法 (一) 动态助词“着” (二) 反问句“不是....吗” (三) 介词“往” 三、练习		[3] : Trang 121 - 127. [6] : Trang 104. [7] : Trang 149 - 154. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 58 - 61.	
8	<b>第八课 你看过那个电影吗</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ động thái 过, cấu trúc 虽然...., 但是....; bổ ngữ động lượng 次. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về trải nghiệm của đối phương. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、语法 (一) 动态助词“过” (二) 关联词“虽然...., 但是....” (三) 动量补语“次” 三、练习	3 (3LT,0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 61 - 71. [2] : Trang 119 - 125. [3] : Trang 130 - 136. [6] : Trang 179 - 184. [7] : Trang 70 - 80. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 67 - 71.	
9	<p>第九课 新年就要到了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cấu trúc 要...了 biểu thị động tác, hành động xảy ra trong tương lai.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn miêu tả dự định trong tương lai.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp về các hoạt động hàng ngày hoặc trong tương lai.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 动作的状态 “要...了”</p> <p>(二) “都...了”</p> <p>(三) 语气副词 “真”</p> <p>三、练习</p>	3 (3LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 72 - 80. [2] : Trang 127 - 131. [3] : Trang 139 - 145. [7] : Trang 38 - 45.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 76 - 80.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
10	第十课 周末你有什么打算	3	<b>Thuyết trình; Trực quan;</b>	CDR1.1,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bỏ ngữ kết quả 好, cấu trúc 一...也/都 + 不/没...nhấn mạnh sự phủ định.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn về một dự định của mình.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp về hoạt động hằng ngày.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）结果补语“好”</p> <p>（二）“一...也/都 + 不/没...”表示否定</p> <p>三、练习</p>	(3LT,0TH)	<p><b>Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Giảng viên:</b></li> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> <li>- <b>Sinh viên:</b></li> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1] : Trang 81 -90.</li> <li>[4] : Trang 17 - 23.</li> <li>[5] : Trang 5 - 10.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 86 - 90.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
11	<p><b>第十一课 他什么时候回来</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bỏ ngữ xu hướng</li> </ul>	3 (3LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Giảng viên:</b></li> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5,



T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>đơn, cách biểu đạt 2 động tác xảy ra liên tiếp, câu phản vấn 能 ....吗.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</p> <p>- Hội thoại hỏi đáp về các hoạt động trong cuộc sống.</p> <p>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 简单趋向补语</p> <p>(二) 两个动作连续发生</p> <p>(三) 反问的表达: “能 ....吗?”</p> <p>三、练习</p>		<p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 91 - 100. [4] : Trang 27 - 33. [5] : Trang 12 - 17. [7] : Trang 54 - 61.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 96 - 100.</p>	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
12	<p><b>第十二课</b></p> <p><b>桌子上放着很多饮料</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ 会, cấu trúc biểu đạt sự tồn tại của người và vật, phân biệt cách dùng 还是 và 或者.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu,</p>	6 (6LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội thoại hỏi đáp về chủ đề mua đồ.</li> <li>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) “还是” 或 “或者”</p> <p>(二) 存在的表达</p> <p>(三) “会” 表达可能</p> <p>三、练习</p>		<p>trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1] : Trang 101 - 110.</li> <li>[4] : Trang 36 - 42.</li> <li>[5] : Trang 19 - 24.</li> <li>[6] : Trang 1- 7, 96 - 103.</li> <li>+ Luyện nghe từ mới, bài đọc trang tài liệu [2].</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 106 - 110.</li> </ul>	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiên

PHÓ BỘ MÔN

Nguyễn Thị Hoa